

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH /SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC
THAY THẾ/ HỦY BỎ, BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
CỦA BỘ CÔNG AN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1655/QĐ-BCA-A61
Ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an)*

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới được ban hành thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công an.

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương			
1	Thủ tục cấp lại giấy miễn thị thực tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an	Quản lý xuất nhập cảnh	Cục Quản lý xuất nhập cảnh.
2	Thủ tục gia hạn tạm trú cho người đã được cấp giấy miễn thị thực	Quản lý xuất nhập cảnh	Cục Quản lý xuất nhập cảnh
3	Thủ tục cấp giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam	Quản lý xuất nhập cảnh	Cục Quản lý xuất nhập cảnh
4	Thủ tục cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam	Quản lý xuất nhập cảnh	Cục Quản lý xuất nhập cảnh
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Thủ tục gia hạn tạm trú cho người đã được cấp giấy miễn thị thực	Quản lý xuất nhập cảnh	Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
2	Thủ tục cấp giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam	Quản lý xuất nhập cảnh	Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3	Thủ tục cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam	Quản lý xuất nhập cảnh	Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công an.

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung, sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	B-BCA-153394-TT	Cấp giấy miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và thân nhân	Nghị định số 82/2015/NĐ-CP ngày 24/9/2015 quy định về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam	Quản lý xuất nhập cảnh	Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

3. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công an.

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	B-BCA-153526-TT	Cấp giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam	Thông tư số 31/2015/TT-BCA, ngày 06/7/2015 hướng dẫn một số nội dung về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam.	Quản lý xuất nhập cảnh	Cục Quản lý xuất nhập cảnh
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	B-BCA-153377-TT	Cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam	Thông tư số 31/2015/TT-BCA, ngày 06/7/2015 hướng dẫn một số nội dung về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam.	Quản lý xuất nhập cảnh	Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG AN

A. Thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh Trung ương

1. Thủ tục cấp giấy miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại một trong ba trụ sở làm việc của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an:

+ 44-46 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ 254 Nguyễn Trãi, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

+ 7 Trần Quý Cáp, TP Đà Nẵng.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Nếu đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ, in và trả giấy biên nhận.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung hồ sơ cho đầy đủ.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** Từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

Bước 3: Nhận kết quả.

- Người đến nhận kết quả đưa giấy biên nhận cho cán bộ trả kết quả kiểm tra và kí nhận.

- **Thời gian:** Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

- Cách thức thực hiện:

Trực tiếp nộp hồ sơ tại một trong ba trụ sở làm việc của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an:

+ 44-46 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ 254 Nguyễn Trãi, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

+ 7 Trần Quý Cáp, TP Đà Nẵng.

- **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

+ **Thành phần hồ sơ:**

a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ cho phép thường trú do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

b) Tờ khai đề nghị cấp giấy miễn thị thực (mẫu NA9) kèm theo 02 ảnh (một ảnh dán trong tờ khai);

c) Giấy tờ chứng minh thuộc diện cấp giấy miễn thị thực:

* Người Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy khai sinh, quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam, giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh có quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó;

* Người nước ngoài nộp bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc kèm theo bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam hoặc của người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện:** Người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam đang tạm trú tại Việt Nam.

- **Cơ quan thực hiện:** Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

- **Kết quả thực hiện:** Cấp giấy miễn thị thực vào hộ chiếu hoặc cấp rời trong một số trường hợp đặc biệt.

- **Lệ phí:** Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam chưa quy định thu lệ phí đối với việc cấp giấy miễn thị thực.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy miễn thị thực (NA9).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

+ Có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị ít nhất 01 năm;

+ Có giấy tờ chứng minh là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam;

+ Không thuộc các trường hợp chưa cho nhập cảnh và tạm hoãn xuất cảnh theo quy định tại Điều 21 và Điều 28 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

- **Căn cứ pháp lý:**

+ Luật số 47/2014/QH13, ngày 16/6/2014 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài tại Việt Nam;

+ Nghị định số 82/2015/NĐ-CP, ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam;

+ Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

Ảnh - photo
4x6 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form)NA9
Ban hành kèm theo thông tư số
04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01 năm
2015

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY MIỄN THỊ THỰC (1)

**APPLICATION FORM FOR ISSUANCE/REISSUANCE
OF A VISA EXEMPTION CERTIFICATE**

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (in Capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Sex Male Female

3- Sinh ngày tháng năm.....

Date of birth (Day, Month, Year)

4- Nơi sinh:

Place of birth

5- Quốc tịch gốc:..... 6- Quốc tịch hiện nay:.....

Nationality at birth

Current nationality:

7- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số

Passport or International Travel Document number

Cơ quan cấp:có giá trị đến ngày:/...../.....

Issuing authority:

Expiry date (Day, Month, Year)

8- Nghề nghiệp:.....

Occupation

9- Địa chỉ cư trú, nơi làm việc hiện nay ở nước ngoài:

Current residential, business address abroad:

..... Số điện thoại/Email:

Telephone/Email

10- Địa chỉ cư trú ở Việt Nam trước khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài (nếu có)

Previous residential address in Viet Nam before residing abroad (if any)

.....

11- Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam

Contact address in Viet Nam

..... Số điện thoại

Telephone

12- Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh)

Accompanying minors (under 14 years old) included in the applicant 's passport (full name, sex, date of birth (Day, Month, Year)).

.....

.....

13- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được cấp giấy miễn thị thực (3)

Supporting documents to prove the eligibility for a Visa Exemption Certificate

.....

.....

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm

Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant 's signature and full name

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; nộp trực tiếp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document at the VietNameese Diplomatic Mission or at the Immigration Department.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời)

Enclose 02 recently taken photos in 4x6cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form and the other separate).

(3) Kèm bản sao một trong các giấy tờ. Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn, Hộ chiếu Việt Nam hết giá trị, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Enclose one certified copy of one of the following documents: Birth Certificate, Marriage Certificate, expired Vietnamese Passport, ID Card, Family Registration Booklet or other documents as stipulated by the Vietnamese Law.

2. Thủ tục cấp lại giấy miễn thị thực tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại một trong ba trụ sở làm việc của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an:

+ 44-46 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ 254 Nguyễn Trãi, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

+ 7 Trần Quý Cáp, TP Đà Nẵng.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Nếu đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ, in và trả giấy biên nhận.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung hồ sơ cho đầy đủ.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** Từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

Bước 3: Nhận kết quả.

- Người đến nhận kết quả đưa giấy biên nhận cho cán bộ trả kết quả kiểm tra và ký nhận.

- **Thời gian:** Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

- Cách thức thực hiện:

Trực tiếp nộp hồ sơ tại một trong ba trụ sở làm việc của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an:

+ 44-46 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ 254 Nguyễn Trãi, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

+ 7 Trần Quý Cáp, TP Đà Nẵng.

- **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ cho phép thường trú do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

b) Tờ khai đề nghị cấp giấy miễn thị thực kèm theo 02 ảnh (một ảnh dán trong tờ khai);

c) Giấy miễn thị thực, nếu bị mất phải có đơn báo mất;

d) Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc kèm theo bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh nội dung cần điều chỉnh trong giấy miễn thị thực.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện:** Người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam bị mất, bị hỏng, hết hạn hoặc có nhu cầu điều chỉnh nội dung trong giấy miễn thị thực.

- **Cơ quan thực hiện:** Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

- **Kết quả thực hiện:** Cấp lại giấy miễn thị thực.

- **Lệ phí:** *Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam chưa quy định thu lệ phí đối với việc cấp lại giấy miễn thị thực.*

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy miễn thị thực (NA9).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

+ Có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị ít nhất 01 năm;

+ Nhập cảnh bằng giấy miễn thị thực đang tạm trú tại Việt Nam;

+ Có giấy tờ chứng minh là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam;

+ Không thuộc các trường hợp tạm hoãn xuất cảnh theo quy định tại Điều 28 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

- **Căn cứ pháp lý:**

+ Luật số 47/2014/QH13, ngày 16/6/2014 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài tại Việt Nam;

+ Nghị định số 82/2015/NĐ-CP, ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam;

+ Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

+ Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

Ảnh - photo
4x6 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form)NA9
Ban hành kèm theo thông tư số
04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01 năm
2015

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY MIỄN THỊ THỰC (1)

**APPLICATION FORM FOR ISSUANCE/REISSUANCE
OF A VISA EXEMPTION CERTIFICATE**

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (in Capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Sex Male Female

3- Sinh ngày tháng năm.....

Date of birth (Day, Month, Year)

4- Nơi sinh:

Place of birth

5- Quốc tịch gốc: 6- Quốc tịch hiện nay:.....

Nationality at birth

Current nationality:

7- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số

Passport or International Travel Document number

Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:/...../.....

Issuing authority:

Expiry date (Day, Month, Year)

8- Nghề nghiệp:.....

Occupation

9- Địa chỉ cư trú, nơi làm việc hiện nay ở nước ngoài:

Current residential, business address abroad:

..... Số điện thoại/Email:

Telephone/Email

10- Địa chỉ cư trú ở Việt Nam trước khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài (nếu có)

Previous residential address in Viet Nam before residing abroad (if any)

11- Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam

Contact address in Viet Nam

..... Số điện thoại

Telephone

12- Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh)

Accompanying minors (under 14 years old) included in the applicant 's passport (full name, sex, date of birth (Day, Month, Year)).

13- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được cấp giấy miễn thị thực (3)

Supporting documents to prove the eligibility for a Visa Exemption Certificate

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct.

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm

Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant 's signature and full name

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; nộp trực tiếp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document at the VietNameese Diplomatic Mission or at the Immigration Department.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời)

Enclose 02 recently taken photos in 4x6cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form and the other separate).

(3) Kèm bản sao một trong các giấy tờ. Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn, Hộ chiếu Việt Nam hết giá trị, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Enclose one certified copy of one of the following documents: Birth Certificate, Marriage Certificate, expired Vietnamese Passport, ID Card, Family Registration Booklet or other documents as stipulated by the Vietnamese Law.

3. Thủ tục gia hạn tạm trú cho người đã được cấp giấy miễn thị thực.

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại một trong ba trụ sở làm việc của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an:

+ 44-46 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ 254 Nguyễn Trãi, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

+ 7 Trần Quý Cáp, TP Đà Nẵng.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Nếu đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ, in và trả giấy biên nhận.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung hồ sơ cho đầy đủ.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** Từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

Bước 3: Nhận kết quả.

- Người đến nhận kết quả đưa giấy biên nhận cho cán bộ trả kết quả, nộp lệ phí và kí nhận.

- **Thời gian:** Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại một trong ba trụ sở làm việc của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an:

+ 44-46 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ 254 Nguyễn Trãi, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

+ 7 Trần Quý Cáp, TP Đà Nẵng.

- **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ cho phép thường trú do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

b) Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (mẫu NA5);

c) Giấy miễn thị thực.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

- **Đối tượng thực hiện:** Người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam đã được cấp giấy miễn thị thực.

- **Cơ quan thực hiện:** Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

- **Kết quả thực hiện:** Gia hạn tạm trú (không quá 06 tháng).

- **Lệ phí:** 10 USD (theo Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (mẫu NA5).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

+ Người nhập cảnh bằng giấy miễn thị thực được cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam bảo lãnh và có lý do chính đáng;

+ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị ít nhất 1 năm;

+ Không thuộc các trường hợp chưa cho nhập cảnh và tạm hoãn xuất cảnh theo quy định.

- **Căn cứ pháp lý:**

+ Luật số 47/2014/QH13, ngày 16/6/2014 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài tại Việt Nam;

+ Nghị định số 82/2015/NĐ-CP, ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam;

+ Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

+ Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC, GIA HẠN TẠM TRÚ (1)
APPLICATION FORM FOR VISA ISSUANCE, STAY EXTENSION

Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú ở Việt Nam

For temporary residence foreigners in Viet Nam

I- Người đề nghị *The applicant:*

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (in Capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Sex Male Female

3- Sinh ngày tháng năm.....

Date of birth (Day, Month, Year)

4- Quốc tịch gốc: 5- Quốc tịch hiện nay:

Nationality at birth

Current nationality

6- Nghề nghiệp/chức vụ:

Occupation/position

7- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: loại (2):

Passport or International Travel Document number

Type

Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày :/...../.....

Issuing authority:

Expiry date (Day, Month, Year)

8- Nhập cảnh Việt Nam ngày:/...../..... qua cửa khẩu:

Date of the latest entry into VietNam (Day, Month, Year) via entry port

Mục đích nhập cảnh:

Purpose of entry

9- Được phép tạm trú đến ngày:/...../.....

Permitted to remain until (Day, Month, Year)

- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:

Temporary residential address in Viet Nam

Điện thoại liên hệ/Email:

Contact telephone number/Email

II- Cơ quan/tổ chức hoặc thân nhân ở Việt Nam mời, bảo lãnh:

Hosting organisation/family relative in Viet Nam

1 - Tên cơ quan, tổ chức *Name of hosting organisation:*

.....

Địa chỉ *Address*

Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*

2- Thân nhân bảo lãnh (Họ tên):

Hosting family relative (full name)

Sinh ngày tháng năm

Date of birth (Day, Month, Year)

Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú số:

Identity Card/Passport/Permanent/ Temporary Resident Card Number

Cấp ngày: cơ quan cấp:

Issuing date Issuing authority

Quan hệ với người đề nghị:(3)

Relationship to the applicant

Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam:

Permanent/temporary residential address in Viet Nam

Điện thoại liên hệ/Email:

Contact telephone number/Email

III- Nội dung đề nghị Requests:

1- Cấp thị thực: một lần ☐ nhiều lần ☐ có giá trị đến ngày: .../.../.....

To issue a visa Single Multiple Valid to (Day, Month, Year)

2- Gia hạn tạm trú đến ngày:/...../.....

To extend the duration of stay until (Day, Month, Year)

3- Lý do Reason(s)

IV- Những điều cần trình bày thêm Additional statements:

.....

Làm tại: ngày tháng năm

Done at date (Day, Month, Year)

Xác nhận (4) Certified by
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Người bảo lãnh
(Ký, ghi rõ họ tên)
The sponsor's signature and
full name

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and
full name

Ghi chú Notes:

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và 01 ảnh mới chụp cỡ 4x6cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document and One recently taken photo in 4x6cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses at the Immigration Office.

(2) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Specify type of passport whether it is Ordinary, Official or Diplomatic; or specify name of the International Travel Document.

(3) Kèm theo giấy tờ chứng minh quan hệ.

Enclose supporting documents to prove the family relationship

(4) Trường hợp do cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh, hoặc người nước ngoài có thể tạm trú mời, bảo lãnh thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức xác nhận.

Be certified by the head of the organization if the sponsor is an organisation or a foreigner with Temporary Resident Card.

Trường hợp công dân Việt Nam, người nước ngoài có thể thường trú mời, bảo lãnh, thì Trưởng Công an phường, xã xác nhận các nội dung tại điểm 2 Mục II.

4. Thủ tục cấp giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại một trong ba trụ sở làm việc của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an:

+ 44-46 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ 254 Nguyễn Trãi, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

+ 7 Trần Quý Cáp, TP Đà Nẵng.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Nếu đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ, in và trả giấy biên nhận.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung hồ sơ cho đầy đủ.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** Từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

Bước 3: Nhận kết quả.

- Người đến nhận kết quả đưa giấy biên nhận cho cán bộ trả kết quả, nộp lệ phí và kí nhận.

- **Thời gian:** Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại một trong ba trụ sở làm việc của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an:

+ 44-46 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ 254 Nguyễn Trãi, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

+ 7 Trần Quý Cáp, TP Đà Nẵng.

- **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh (mẫu NC14);

b) Bản chụp thẻ thường trú kèm theo bản chính để đối chiếu đối với người đã được cấp thẻ thường trú;

c) Đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam, có xác nhận của Công an xã, phường, thị trấn nơi người không quốc tịch tạm trú đối với người chưa được giải quyết cho thường trú;

d) Ảnh cỡ 4x6cm mới chụp, phông nền trắng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện:** Người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam.

- **Cơ quan thực hiện:** Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

- **Kết quả thực hiện:** Giấy phép xuất nhập cảnh.
- **Lệ phí:** 200.000 VNĐ/giấy phép (theo Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính).
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh (mẫu NC14).
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**
 - + Có thẻ thường trú do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của Việt Nam cấp, trường hợp chưa được giải quyết thẻ thường trú thì phải có đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam, có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn;
 - + Không có hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;
 - + Không thuộc một trong các diện bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- **Căn cứ pháp lý:**
 - + Luật số 47/2014/QH13, ngày 16/6/2014 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài tại Việt Nam;
 - + Thông tư số 31/2015/TT-BCA ngày 06/7/2015 của Bộ Công an hướng dẫn về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam;
 - + Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

Ảnh - photo
4x6 cm
(2)
See notes

(Form) NC14

Mẫu

Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BCA
ngày 06 tháng 7 năm 2015

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP XUẤT NHẬP CẢNH

APPLICATION FORM FOR AN EXIT AND ENTRY PERMIT

ISSUE/ RE ISSUE

(Dùng cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam) (1)

(For the stateless resident in Viet Nam)

1- Họ và tên (viết chữ in hoa):(3).....
Full name (in capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)

4- Nơi sinh:
Place of birth

5- Địa chỉ thường trú ở Việt Nam:
Permanent residential address

..... Số điện thoại:
Telephone

6- Quốc tịch trước đây:
Former nationality

7- Thẻ thường trú số (nếu đã được cấp): Cơ quan cấp:
Permanent Resident Card No (if any) Issuing Authority
ngày cấp:
Date of issue (Day, Month, Year)

8- Mục đích xin cấp giấy phép xuất nhập cảnh:
Purpose of application for an Exit and Entry Permit

9- Lý do đề nghị cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh: (4).....
Reason(s) of application for an Exit and Entry Permit

Phần dành cho cơ quan quản lý Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....
xuất nhập cảnh *Done at....., date (Day, Month, Year)*
Year)

For official only

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant's signature and full name

Ghi chú/ Notes

(1) Mỗi người kê khai 1 bản nộp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố nơi người đề nghị cấp giấy phép xuất nhập cảnh cư trú hoặc Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Submit one completed application at the Immigration Office of Province/Central City Public Security where the foreigner is residing or at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Dán 01 ảnh mới chụp cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, 01 ảnh để rời.

Stick onto the photo box one recently taken 4x6cm size, with white background, front view, bare head, without sunglasses and enclose one separate photo of the same kind.

(3) Khai đúng họ tên, ngày tháng năm sinh ghi trong thẻ thường trú (nếu đã được cấp).

Full name and date of birth provided in the form should be the same as in the Permanent Resident Card (if any).

(4) Trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh do bị mất, phải kèm theo đơn báo mất giấy phép xuất nhập cảnh.

In case of the Exit and Entry Permit being lost or stolen, enclose a Loss Report.

5. Thủ tục cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại một trong ba trụ sở làm việc của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an:

+ 44-46 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ 254 Nguyễn Trãi, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

+ 7 Trần Quý Cáp, TP Đà Nẵng.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Nếu đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ, in và trả giấy biên nhận.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung hồ sơ cho đầy đủ.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** Từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

Bước 3: Nhận kết quả.

- Người đến nhận kết quả đưa giấy biên nhận cho cán bộ trả kết quả, nộp lệ phí và ký nhận.

- **Thời gian:** Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại một trong ba trụ sở làm việc của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an:

+ 44-46 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

+ 254 Nguyễn Trãi, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

+ 7 Trần Quý Cáp, TP Đà Nẵng.

- **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh (mẫu NC14);

b) Bản chụp thẻ thường trú kèm theo bản chính để đối chiếu đối với người đã được cấp thẻ thường trú;

c) Đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam, có xác nhận của Công an xã, phường, thị trấn nơi người không quốc tịch tạm trú đối với người chưa được giải quyết cho thường trú;

d) Giấy phép xuất nhập cảnh đã cấp, đối với trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép xuất nhập cảnh bị hư hỏng;

đ) Đơn báo mất, đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh do bị mất (không cần xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi bị mất);

e) Ảnh cỡ 4x6cm mới chụp, phông nền trắng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

- + Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.
- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện:** Người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam.
- **Cơ quan thực hiện:** Cục Quản lý xuất nhập cảnh.
- **Kết quả thực hiện:** Giấy phép xuất nhập cảnh.
- **Lệ phí:** 200.000 VNĐ/giấy phép (theo Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính).
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh (mẫu NC14).
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**
 - + Có thẻ thường trú do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của Việt Nam cấp, trường hợp chưa được giải quyết thẻ thường trú thì phải có đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam, có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn;
 - + Không có hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;
 - + Không thuộc một trong các diện bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- **Căn cứ pháp lý:**
 - + Luật số 47/2014/QH13, ngày 16/6/2014 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài tại Việt Nam;
 - + Thông tư số 31/2015/TT-BCA ngày 06/7/2015 của Bộ Công an hướng dẫn về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam;
 - + Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

Ảnh - photo
4x6 cm
(2)
See notes

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP XUẤT NHẬP CẢNH

APPLICATION FORM FOR AN EXIT AND ENTRY PERMIT

ISSUE/ RE ISSUE

*(Dùng cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam) (1)**(For the stateless resident in Viet Nam)*

1- Họ và tên (viết chữ in hoa):(3).....
Full name (in capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)

4- Nơi sinh:
Place of birth

5- Địa chỉ thường trú ở Việt Nam:
Permanent residential address

..... Số điện thoại:
Telephone

6- Quốc tịch trước đây:
Former nationality

7- Thẻ thường trú số (nếu đã được cấp): Cơ quan cấp:
Permanent Resident Card No (if any) Issuing Authority
ngày cấp:
Date of issue (Day, Month, Year)

8- Mục đích xin cấp giấy phép xuất nhập cảnh:
Purpose of application for an Exit and Entry Permit

9- Lý do đề nghị cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh: (4)
Reason(s) of application for an Exit and Entry Permit

Phần dành cho cơ quan quản lý Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....

xuất nhập cảnh *Done at....., date (Day, Month, Year)*

For official only Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant's signature and full name

Ghi chú/ Notes

(1) Mỗi người kê khai 1 bản nộp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố nơi người đề nghị cấp giấy phép xuất nhập cảnh cư trú hoặc Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Submit one completed application at the Immigration Office of Province/Central City Public Security where the foreigner is residing or at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Dán 01 ảnh mới chụp cỡ 4x6cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, 01 ảnh để rời.

Stick onto the photo box one recently taken 4x6cm size, with white background, front view, bare head, without sunglasses and enclose one separate photo of the same kind.

(3) Khai đúng họ tên, ngày tháng năm sinh ghi trong thẻ thường trú (nếu đã được cấp).

Full name and date of birth provided in the form should be the same as in the Permanent Resident Card (if any).

(4) Trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh do bị mất, phải kèm theo đơn báo mất giấy phép xuất nhập cảnh.

In case of the Exit and Entry Permit being lost or stolen, enclose a Loss Report.

B. Thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh cấp tỉnh

1. Thủ tục gia hạn tạm trú cho người đã được cấp giấy miễn thị thực.

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Nếu đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ, in và trả giấy biên nhận.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung hồ sơ cho đầy đủ.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** Từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

Bước 3: Nhận kết quả.

- Người đến nhận kết quả đưa giấy biên nhận cho cán bộ trả kết quả, nộp lệ phí và kí nhận.

- **Thời gian:** Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ cho phép thường trú do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

b) Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (mẫu NA5);

c) Giấy miễn thị thực.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện:** Người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam đã được cấp giấy miễn thị thực.

- **Cơ quan thực hiện:** Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Kết quả thực hiện:** Gia hạn tạm trú (không quá 06 tháng).

- **Lệ phí:** 10 USD (theo Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (mẫu NA5).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

+ Người nhập cảnh bằng giấy miễn thị thực được cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam bảo lãnh và có lý do chính đáng;

+ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị ít nhất 1 năm;

+ Không thuộc các trường hợp chưa cho nhập cảnh và tạm hoãn xuất cảnh theo quy định.

- Căn cứ pháp lý:

+ Luật số 47/2014/QH13, ngày 16/6/2014 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài tại Việt Nam;

+ Nghị định số 82/2015/NĐ-CP, ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam;

+ Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

+ Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC, GIA HẠN TẠM TRÚ (1)
APPLICATION FORM FOR VISA ISSUANCE, STAY EXTENSION

Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú ở Việt Nam
For temporary residence foreigners in Viet Nam

I- Người đề nghị *The applicant:*

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (in Capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngày tháng năm.....

Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)

4- Quốc tịch gốc: 5- Quốc tịch hiện nay:

Nationality at birth Current nationality

6- Nghề nghiệp/chức vụ:

Occupation/position

7- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: loại (2):

Passport or International Travel Document number Type

Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày :/...../.....

Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)

8- Nhập cảnh Việt Nam ngày:/...../..... qua cửa khẩu:

Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via entry port

Mục đích nhập cảnh:

Purpose of entry

9- Được phép tạm trú đến ngày:/...../.....

Permitted to remain until (Day, Month, Year)

- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:

Temporary residential address in Viet Nam

Điện thoại liên hệ/Email:

Contact telephone number/Email

II- Cơ quan/tổ chức hoặc thân nhân ở Việt Nam mời, bảo lãnh:

Hosting organisation/family relative in Viet Nam

1 - Tên cơ quan, tổ chức *Name of hosting organisation:*

.....

Địa chỉ *Address*

Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*

2- Thân nhân bảo lãnh (Họ tên):

Hosting family relative (full name)

Sinh ngày tháng năm

Date of birth (Day, Month, Year)

Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú số:

Identity Card/Passport/Permanent/ Temporary Resident Card Number

Cấp ngày: cơ quan cấp:

Issuing date Issuing authority

Quan hệ với người đề nghị:(3)

Relationship to the applicant

Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam:

Permanent/temporary residential address in Viet Nam

Điện thoại liên hệ/Email:

Contact telephone number/Email

III- Nội dung đề nghị Requests:

1- Cấp thị thực: một lần ☐ nhiều lần ☐ có giá trị đến ngày: .../.../.....

To issue a visa Single Multiple Valid to (Day, Month, Year)

2- Gia hạn tạm trú đến ngày:/...../.....

To extend the duration of stay until (Day, Month, Year)

3- Lý do Reason(s)

IV- Những điều cần trình bày thêm Additional statements:

.....

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm

Done at date (Day, Month, Year)

Xác nhận (4) Certified by
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Người bảo lãnh
(Ký, ghi rõ họ tên)
The sponsor's signature and full name

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and full name

Ghi chú Notes:

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và 01 ảnh mới chụp cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document and One recently taken photo in 4x6cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses at the Immigration Office.

(2) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Specify type of passport whether it is Ordinary, Official or Diplomatic; or specify name of the International Travel Document.

(3) Kèm theo giấy tờ chứng minh quan hệ.

Enclose supporting documents to prove the family relationship

(4) Trường hợp do cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh, hoặc người nước ngoài có thể tạm trú mời, bảo lãnh thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức xác nhận.

Be certified by the head of the organization if the sponsor is an organisation or a foreigner with Temporary Resident Card.

Trường hợp công dân Việt Nam, người nước ngoài có thể thường trú mời, bảo lãnh, thì Trưởng Công an phường, xã xác nhận các nội dung tại điểm 2 Mục II.

2. Thủ tục cấp giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Nếu đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ, in và trả giấy biên nhận.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung hồ sơ cho đầy đủ.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** Từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

Bước 3: Nhận kết quả.

- Người đến nhận kết quả đưa giấy biên nhận cho cán bộ trả kết quả, nộp lệ phí và kí nhận.

- **Thời gian:** Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh (mẫu NC14);

b) Bản chụp thẻ thường trú kèm theo bản chính để đối chiếu đối với người đã được cấp thẻ thường trú;

c) Đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam, có xác nhận của Công an xã, phường, thị trấn nơi người không quốc tịch tạm trú đối với người chưa được giải quyết cho thường trú;

d) Ảnh cỡ 4x6cm mới chụp, phông nền trắng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét và chuyển hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh về Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện:** Người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam.

- **Cơ quan thực hiện:** Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Kết quả thực hiện:** Giấy phép xuất nhập cảnh.

- **Lệ phí:** 200.000 VNĐ/giấy phép (theo Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh (mẫu NC14).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

+ Có thể thường trú do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của Việt Nam cấp, trường hợp chưa được giải quyết thẻ thường trú thì phải có đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam, có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn;

+ Không có hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

+ Không thuộc một trong các diện bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- **Căn cứ pháp lý:**

+ Luật số 47/2014/QH13, ngày 16/6/2014 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài tại Việt Nam;

+ Thông tư số 31/2015/TT-BCA ngày 06/7/2015 của Bộ Công an hướng dẫn về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam;

+ Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

Ảnh - photo
4x6 cm
(2)
See notes

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP XUẤT NHẬP CẢNH

APPLICATION FORM FOR AN EXIT AND ENTRY PERMIT

ISSUE/ RE ISSUE

*(Dùng cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam) (1)**(For the stateless resident in Viet Nam)*

1- Họ và tên (viết chữ in hoa):(3).....
Full name (in capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)

4- Nơi sinh:
Place of birth

5- Địa chỉ thường trú ở Việt Nam:
Permanent residential address

..... Số điện thoại:
Telephone

6- Quốc tịch trước đây:
Former nationality

7- Thẻ thường trú số (nếu đã được cấp): Cơ quan cấp:
Permanent Resident Card No (if any) Issuing Authority
ngày cấp:
Date of issue (Day, Month, Year)

8- Mục đích xin cấp giấy phép xuất nhập cảnh:
Purpose of application for an Exit and Entry Permit

9- Lý do đề nghị cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh: (4)
Reason(s) of application for an Exit and Entry Permit

Phần dành cho cơ quan quản lý Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....

xuất nhập cảnh

*Done at....., date (Day, Month, Year)**For official only*

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

*The applicant's signature and full name*Ghi chú/ Notes

(1) Mỗi người kê khai 1 bản nộp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố nơi người đề nghị cấp giấy phép xuất nhập cảnh cư trú hoặc Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Submit one completed application at the Immigration Office of Province/Central City Public Security where the foreigner is residing or at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Dán 01 ảnh mới chụp cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, 01 ảnh để rời.

Stick onto the photo box one recently taken 4x6cm size, with white background, front view, bare head, without sunglasses and enclose one separate photo of the same kind.

(3) Khai đúng họ tên, ngày tháng năm sinh ghi trong thẻ thường trú (nếu đã được cấp).

Full name and date of birth provided in the form should be the same as in the Permanent Resident Card (if any).

(4) Trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh do bị mất, phải kèm theo đơn báo mất giấy phép xuất nhập cảnh.

In case of the Exit and Entry Permit being lost or stolen, enclose a Loss Report.

3. Thủ tục cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Nếu đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ, in và trả giấy biên nhận.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung hồ sơ cho đầy đủ.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** Từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

Bước 3: Nhận kết quả.

- Người đến nhận kết quả đưa giấy biên nhận cho cán bộ trả kết quả, nộp lệ phí và kí nhận.

- **Thời gian:** Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày tết, ngày lễ và chủ nhật).

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh (mẫu NC14);

b) Bản chụp thẻ thường trú kèm theo bản chính để đối chiếu đối với người đã được cấp thẻ thường trú;

c) Đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam, có xác nhận của Công an xã, phường, thị trấn nơi người không quốc tịch tạm trú đối với người chưa được giải quyết cho thường trú;

d) Giấy phép xuất nhập cảnh đã cấp, đối với trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép xuất nhập cảnh bị hư hỏng;

đ) Đơn báo mất, đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh do bị mất (không cần xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi bị mất);

e) Ảnh cỡ 4x6cm mới chụp, phong nền trắng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét và chuyển hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh về Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện:** Người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam

- **Cơ quan thực hiện:** Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Kết quả thực hiện:** Giấy phép xuất nhập cảnh.
- **Lệ phí:** 200.000 VNĐ/giấy phép (theo Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính).
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh (mẫu NC14)
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**
 - + Có thẻ thường trú do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của Việt Nam cấp, trường hợp chưa được giải quyết thẻ thường trú thì phải có đơn giải trình về thời gian đã tạm trú tại Việt Nam, có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn;
 - + Không có hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;
 - + Không thuộc một trong các diện bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- **Căn cứ pháp lý:**
 - + Luật số 47/2014/QH13, ngày 16/6/2014 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài tại Việt Nam;
 - + Thông tư số 31/2015/TT-BCA ngày 06/7/2015 của Bộ Công an hướng dẫn về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam;
 - + Thông tư 157/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

Ảnh - photo
4x6 cm
(2)
See notes

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP XUẤT NHẬP CẢNH

APPLICATION FORM FOR AN EXIT AND ENTRY PERMIT

ISSUE/ RE ISSUE

(Dùng cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam) (1)

(For the stateless resident in Viet Nam)

1- Họ và tên (viết chữ in hoa):(3).....
Full name (in capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)

4- Nơi sinh:
Place of birth

5- Địa chỉ thường trú ở Việt Nam:
Permanent residential address

..... Số điện thoại:
Telephone

6- Quốc tịch trước đây:
Former nationality

7- Thẻ thường trú số (nếu đã được cấp): Cơ quan cấp:
Permanent Resident Card No (if any) Issuing Authority
ngày cấp:
Date of issue (Day, Month, Year)

8- Mục đích xin cấp giấy phép xuất nhập cảnh:
Purpose of application for an Exit and Entry Permit

9- Lý do đề nghị cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh: (4).....
Reason(s) of application for an Exit and Entry Permit

Phần dành cho cơ quan quản lý Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....

xuất nhập cảnh

Done at....., date (Day, Month, Year)

For official only

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant's signature and full name

Ghi chú/ Notes

(1) Mỗi người kê khai 1 bản nộp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố nơi người đề nghị cấp giấy phép xuất nhập cảnh cư trú hoặc Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Submit one completed application at the Immigration Office of Province/Central City Public Security where the foreigner is residing or at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Dán 01 ảnh mới chụp cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, 01 ảnh để rời.

Stick onto the photo box one recently taken 4x6cm size, with white background, front view, bare head, without sunglasses and enclose one separate photo of the same kind.

(3) Khai đúng họ tên, ngày tháng năm sinh ghi trong thẻ thường trú (nếu đã được cấp).

Full name and date of birth provided in the form should be the same as in the Permanent Resident Card (if any).

(4) Trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh do bị mất, phải kèm theo đơn báo mất giấy phép xuất nhập cảnh.

In case of the Exit and Entry Permit being lost or stolen, enclose a Loss Report.